

Bản án số: 201/2020/HS-PT
Ngày: 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Khắc Thịnh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh
Ông Ngô Tấn Lợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhứt Minh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 tháng 3, ngày 07 tháng 5 và ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 38/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Trần Minh T và bị cáo Trần Thanh T1. Do có kháng cáo của các bị cáo Trần Minh T, Trần Thanh T1 và nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị T2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 70/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Minh T (M), sinh năm 19XX; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: X/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Minh T3, sinh năm 19XX và bà Dương Thị Kim A, sinh năm 19XX; vợ, con: không có; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giam ngày 24/5/2019 và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thanh T1 (E), sinh năm 19XX; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện Tháp M, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: ấp X, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đ; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: X/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Trần Văn C, sinh năm 19XX và bà Lê Thị T, sinh năm 19XX; vợ: Huỳnh Thị T2, sinh năm 19XX và có 01 con, sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: ngày 07/12/2017, bị Công an xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đ xử phạt vi phạm hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác, chưa nộp phạt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh T là Luật sư Thái Quang Trí - Văn

phòng luật sư Chính Nghĩa, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T1 là Luật sư Đặng Hồng Đức - Văn phòng luật sư Hồng Đức, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

- *Người bị hại:*

1. Trần Thanh T1 (E), sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi ĐKKHKT: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện T, tỉnh Đ.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đ.

2. Trần Minh T (M), sinh năm: 19XX (có mặt);

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T.

- *Nguyên đơn dân sự:* Huỳnh Thị T2, sinh năm: 19XX; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người làm chứng:*

1. Đặng Văn C1, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

2. Đặng Quốc T, sinh ngày: 19/7/XXXX (có mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Thiện T, huyện C, tỉnh T.

3. Nguyễn Văn T, sinh năm: 19XX (có mặt);

4. Trần Thị T7, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã Đốc B, huyện T, tỉnh Đ.

5. Trần Quang P, sinh năm: 19XX (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ T, xã Phú Đ, huyện T, tỉnh Đ.

- *Người giám định:*

1. Nguyễn Việt T - Giám định viên chuyên trách (có mặt);

2. Nguyễn Phương B - Giám định viên (có mặt);

3. Phạm Huỳnh T9 - Giám định viên (có mặt);

Cùng nơi làm việc: Trung tâm pháp y tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2019, T1 chơi đánh bạc với hình thức đá gà ăn thua bằng tiền với ông C1 và anh P thua 4.500.000 đồng không có tiền trả, nên P và C1 cho T1 nợ. Do lâu ngày không thấy T1 trả tiền nên C1 điện thoại nói cho T (M) biết sự việc.

Khoảng 18 giờ ngày 13/3/2019, T điện thoại rủ T5 (con ông C1) ngụ ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện C, tỉnh T đi đến nhà T1 ở ấp X, xã Đốc B, huyện T để đòi tiền, nhưng T không nói cho T5 biết việc đòi tiền, T5 đồng ý. Sau đó, T5 mượn xe mô tô của bạn nhân hiệu Honda Vision biển kiểm soát 6XBX-XXXXX, điều khiển chở T đến nhà T1. Lúc này, T5 ngồi ngoài xe trước cửa nhà T1 đợi, còn T đi vào nhà T1 kêu T1 ra nói chuyện, T1 không đồng ý trả tiền, nên T1 và T xảy ra cự cãi. Trong lúc T và T1 đang cự cãi thì vợ của T1 là Huỳnh Thị T2 từ nhà đi ra đóng cửa nhà lại, T đập cửa trúng chị T2 làm chị T2 té ngã nhưng không bị thương. Sau đó, T lên xe mô tô ngồi sau T5 định đi về thì T1 vào trong nhà lấy một con dao yếm bằng kim loại, mũi bầu, cán dài khoảng 10cm,

lưỡi dài khoảng 25cm từ cửa sau nhà đi lên lộ đal, đứng phía sau chém trúng vào vùng đầu T. T5 quay lại thấy đầu T chảy máu. Sau đó, T bước xuống xe nhặt một khúc cây vuông chiều dài 80cm, cân nặng 610 gam, một đầu bằng, một đầu nhọn để ở đường đal đuổi theo T1 khoảng 20m, đến trước cửa nhà anh Nguyễn Văn T6 thì T1 dừng lại, đứng đối mặt với T thì bị T cầm cây bằng hai tay đánh 01 cái trúng vùng trán bên phải làm T1 té ngã xuống đường cấp lộ đal bất tỉnh. Chị T2 từ trong nhà đi đến chỗ T1 nằm nhặt con dao cầm trên tay phải, thì T dùng cây đánh trúng tay làm rớt con dao. Cùng thời điểm này, anh T6 chứng kiến sự việc từ trong nhà đi ra đường can ngăn. T đi đến cây cột điện gần đó dùng cây vuông đập vào cột điện làm cây gãy làm đôi, rồi lên xe T5 chở đến Trạm Y tế xã Hậu Mỹ B, huyện C, tỉnh T khâu vết thương. Chị T2 đưa anh T1 đến Bệnh viện đa khoa khu vực T cấp cứu sau đó chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy nhập viện điều trị từ ngày 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019 chuyển sang Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương đến ngày 28/3/2019 thì xuất viện, sau đó tiếp tục nhập viện Bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh điều trị từ ngày 24/6/2019 đến ngày 27/6/2019 thì xuất viện, tổng cộng 19 ngày điều trị.

Ngày 21/3/2019, Trần Minh T có đơn yêu cầu khởi tố hình sự đối với T1. Ngày 15/4/2019, chị Huỳnh Thị T2 yêu cầu giám định thương tích và xử lý hành vi của T dùng cây đánh gây thương tích cho mình.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 144 ngày 9/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Trần Thanh T1 thể hiện:

- Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm má phải cạnh cánh mũi phải lành xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ; Sẹo vết thương phần mềm trán phải đến đuôi mày phải gây gãy xương trán phải thành ngoài hốc mắt; Đa chấn thương phần mềm không để lại di chứng không cho tỷ lệ phần trăm; Mắt phải bóng bàn tay mù tịt chưa khoét bỏ nhãn cầu. Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 51%.

- Kết luận khác: Các tổn thương trên do vật tày có cạnh gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động trực diện từ trước ra sau và từ trên xuống dưới.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 154 ngày 16/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Trần Minh T thể hiện:

- Sẹo vết thương phần mềm đỉnh thái dương trái kích thước 05 x 0,2cm; Sẹo vết thương phần mềm số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%.

- Kết luận khác: Tổn thương trên do vật có cạnh sắc bén gây ra; Cơ chế hình thành tổn thương do ngoại lực tác động trực diện gây nên vết thương.

Tại Bản kết luận giám định thương tích số 181 ngày 13/6/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp kết luận Huỳnh Thị T2: Chấn thương phần mềm bàn tay phải, hông phải hiện không thấy dấu vết thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 00%.

Về trách nhiệm dân sự:

- Trần Minh T yêu cầu Trần Thanh T1 bồi thường: Chi phí điều trị 500.000 đồng (không có hóa đơn chứng từ); Tiền công lao động 14 ngày x 200.000/ngày = 2.800.000 đồng; Bồi thường tiền tổn thất tinh thần 10.000.000 đồng. Tổng cộng 13.300.000 đồng. T1 không đồng ý bồi thường.

- Trần Thanh T1 yêu cầu Trần Minh T bồi thường: Chi phí điều trị 25.859.000 đồng (có hóa đơn); Tiền tàu xe 3.800.000 đồng (có vé xe); Tiền công lao động 19

ngày x 280.000 đồng/ngày = 5.320.000 đồng; Tiền người nuôi bệnh 19 ngày x 200.000 đồng/ ngày = 3.800.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần 74.500.000 đồng (tương đương bằng 50 tháng lương cơ sở); Tiền bồi thường số tiền bảo hiểm đã chi trả 120.000.000 đồng.

Tổng cộng 233.279.000 đồng, T đồng ý bồi thường chi phí điều trị 25.859.000 đồng và tiền tàu xe 3.800.000 đồng, nhưng chưa bồi thường.

- Huỳnh Thị T2 yêu cầu Trần Minh T bồi thường: Chi phí điều trị: 1.147.000đ (có hóa đơn); Tiền công lao động nuôi bệnh 250.000 đồng x 30 ngày = 7.500.000 đồng; Tiền nuôi bệnh, sinh hoạt, ăn uống 14.661.000đ; Tiền tổn thất tinh thần 31.000.000đ.

Tổng cộng 54.308.000 đồng. T đồng ý bồi thường tiền chi phí điều trị 1.147.000 đồng, nhưng chưa bồi thường.

Về vật chứng, Cơ quan điều tra thu giữ:

- 01 đoạn gỗ dài 64cm, rộng 05cm, cân nặng 500 gram.

- 01 đoạn gỗ dài 47cm, rộng 05cm, cân nặng 500 gram và 01 đoạn gỗ dài 33cm, rộng 03cm, cân nặng 110 gram, đây là hai đoạn gỗ sau khi đánh T1, T đập vào cột điện gây làm đôi. Đối với con dao T1 dùng gây thương tích cho T, Cơ quan điều tra tiến hành truy tìm nhưng không tìm được.

Tại bản án số 70/2019/HS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện T đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh T (M) và bị cáo Trần Thanh T1 (E) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/5/2019.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T1 (E) 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho Trần Thanh T1 tổng cộng các khoản là 97.809.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho Huỳnh Thị T2 1.147.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 02 tháng 12 năm 2019, bị cáo Trần Minh T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, bị cáo Trần Thanh T1 có đơn kháng cáo kêu oan và yêu cầu buộc bị cáo Trần Minh T bồi thường số tiền các khoản tổng cộng là 233.279.000 đồng.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn dân sự Huỳnh Thị T2 có đơn kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo Trần Minh T bồi thường số tiền các khoản tổng cộng là 54.308.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Minh T thay đổi nội dung kháng cáo, bị cáo kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm cho rằng hành vi của các bị cáo Trần Minh T và Trần Thanh T1 bị Tòa án cấp sơ thẩm quy kết về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật. Xuất phát mâu thuẫn từ việc bị cáo T đến đòi tiền chỗ bị cáo T1 từ đó dẫn đến việc bị cáo T dùng cây đánh vào người bị cáo T1 gây thương tích với tỷ lệ 51% nên cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng quy định. Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh T xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo kêu oan không phạm tội. Bị cáo cho rằng tỷ lệ thương tích của anh T1 không phải một mình bị cáo gây ra, do trong thời gian chưa đi giám định bị cáo T1 có xô xát với ông T6 nên bị cáo yêu cầu làm rõ thương tích của T1. Tuy nhiên, căn cứ bị cáo đưa ra là không thuyết phục vì:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo T thừa nhận chính bị cáo là người dùng hai tay cầm cây một khúc cây vuông chiều dài 80cm, nặng 610gam một đầu bằng, một đầu nhọn đánh bị cáo T1 từ trên xuống trúng vào vùng đầu xuống trán bên phải làm cho bị cáo T1 té ngã xuống lộ bất tỉnh. Thời gian điều trị thương tích của bị cáo T1 từ 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019 chuyển lên Bệnh viện răng hàm mặt trung ương đến ngày 28/3/2019 thì xuất viện, Sau đó, nhập viện tại Bệnh viện mắt thành phố Hồ Chí Minh từ 24/6/2019-27/6/2019;

Căn cứ lời khai của anh T6 chính mắt thấy bị cáo T dùng cây đánh bị cáo T1 từ trên xuống trúng vào vùng đầu làm cho bị cáo T1 ngất xỉu và chính anh là người can ngăn T lại, anh là người báo chính quyền sự việc T đánh T1;

Sự việc cự cãi giữa bị cáo T1 và ông T6 là có xảy ra, ông T6 có mang dao, chai bia thủy tinh qua nhà bị cái T1 nhưng không có đánh nhau với T1, tại biên bản sự việc ngày 10/5/2019 của Công an xã Đốc B thể hiện ông T6 có làm hư hỏng tài sản nhà bị cáo T1 và tự thỏa thuận bồi thường.

Từ những căn cứ xác định: Có sự việc đánh nhau xảy ra, chính bị cáo T là người gây thương tích cho bị cáo T1 với tỷ lệ tổn thương là 51 %. Án sơ thẩm tuyên bị cáo Trần Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Bị cáo Trần Thanh T1 dùng hung khí nguy hiểm là cây dao sắc bén tác động vào cơ thể của bị cáo Trần Minh T với tỷ lệ tổn thương là 02% cũng từ nguyên nhân đòi tiền của bị cáo T, hành vi của bị cáo T1 cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Sự việc gây thương tích xuất phát từ việc bị cáo T đến nhà T1 đòi tiền, dùng chân đạp vào cửa nhà nhiều cái, dẫn đến bị cáo T1 bị kích động và dùng dao chém vào vùng đầu của bị cáo T với tỷ lệ qua giám định là 02% là hoàn toàn có căn cứ vì: Căn cứ vào lời khai ông T6 khi thấy sự việc cự cãi, đánh nhau thì lúc này bị cáo T1 có cầm dao trên tay, bị cáo T1 cũng xác nhận có cầm dao quơ không biết trúng vào đâu của bị cáo T, lời khai bị cáo T cho rằng khi dùng chân đạp vào cửa nhà T1 sau đó ra về, khi lên xe thì phát hiện T1 dùng dao chém vào đầu bị cáo T làm T té ngã xuống lộ và nhặt được khúc cây nên đánh lại bị cáo T1, Thịnh cũng là người chở T, nghe T nói bị chém và T té ngã xuống lộ. Từ những căn cứ trên đủ căn cứ xác định chính bị cáo T1 dùng dao gây thương tích cho T, nhưng xét cấp sơ thẩm không áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 là còn thiếu sót. Ngoài ra, vụ án được mở nhiều lần để xét xử, triệu

tập những người làm chứng và hai lần mở gần nhất là ngày 24/6/2020 và ngày hôm nay 22/7/2020 sức khỏe của bị cáo T1 đã bị ảnh hưởng nhiều của vết thương, có dấu hiệu trầm cảm, động kinh nên áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo T1 cải tạo giáo dục ở địa phương là phù hợp nhất.

Mặc dù, vụ án có nhiều thiếu sót, các lời khai của bị cáo có mâu thuẫn nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành thực nghiệm điều tra, kết luận giám định pháp y không được thông báo cho các bị hại là còn thiếu sót. Nhưng xét thấy sức khỏe hiện tại của bị cáo T1 không đảm bảo cho việc thực nghiệm điều tra, những vi phạm trên không ảnh hưởng đến bản chất của vụ án.

Đối với kháng cáo của chị Huỳnh Thị T2: Án sơ thẩm buộc bị cáo T bồi thường tiền điều trị 1.147.000đ là phù hợp, qua giám định thương tích chị không có tỷ lệ phần trăm, yêu cầu về bồi thường dân sự và được cấp sơ thẩm xác định tư cách tham gia là nguyên đơn dân sự là có căn cứ đúng tại Điều 63 Bộ luật tố tụng hình sự.

Từ phân tích trên, đề nghị:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Trần Minh T, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

Không chấp nhận đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Thanh T1 nhưng áp dụng Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 36 Bộ luật hình sự (do sức khỏe của bị cáo T1) xử phạt bị cáo 01 năm 09 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã Đốc B phối hợp với gia đình giáo dục, quản lý.

Ngoài ra, áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo T1.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị T2.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 phát biểu quan điểm cho rằng:

Về chứng cứ, quá trình điều tra vụ án còn mang tính sơ bộ. Án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông T6, anh T5 và những chứng cứ khác để kết tội bị cáo T1 là chưa thỏa đáng. Chúng tôi cho rằng cần làm rõ mối quan hệ của người làm chứng. Anh T5 là con của chủ nợ mà bị cáo T đi đòi, còn anh T6 và vợ chồng T1 có xích mích nhau nên T5 và T6 làm chứng là không khách quan.

Kết luận điều tra thiếu khách quan, dựa vào lời khai của người làm chứng cùng một phe. Trong khi lời khai của T5 trong quá trình điều tra thể hiện T5 là con của ông C1, biết T đi đòi nợ cho cha mình, T5 trực tiếp chở T đi. Điều đó cho thấy T5 là đồng phạm giúp sức tích cực trong vụ án.

T5 khai thấy T đánh chị T2 ở tay. Chị T2 bị đánh trúng hông và tay, án sơ thẩm buộc T bồi thường cho chị T2. Điều đó khẳng định T đánh chị T2 nhưng án sơ thẩm lại xếp chị T2 tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn dân sự là chưa chính xác.

T sử dụng hung khí nguy hiểm đánh nhiều người nhưng án sơ thẩm áp dụng điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự là chưa thỏa đáng.

T1 khai bị T đánh túi bụi, phù hợp với kết quả giám định là T1 bị đa chấn thương, bị đánh nhiều cái chứ không phải bị đánh một cái. T1 khai bị đánh túi bụi nên mới nhặt dao quơ về hướng T. T khai bị T1 chém vào đầu nên mới rượt rồi nhặt cây đánh một cái trúng đầu T1. Như vậy ai đánh ai trước? Lời khai của hai bị cáo có sự mâu thuẫn nhau và có lời khai không phù hợp với sự thật khách quan nhưng cơ quan điều tra không cho thực nghiệm điều tra.

Con dao vật chứng không thu được trong khi vật chứng trong vụ án là rất

quan trọng. Cơ quan điều tra không cho thực nghiệm điều tra, không khám nghiệm hiện trường, không tổng đạt kết luận giám định pháp y cho các bị cáo là chưa tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Hiện tại, bị cáo T1 bị T đánh mù 01 mắt, bị biến chứng co giật và ngồi bất động, đau đầu nhiều. Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn do bị đuổi nên không có nhà ở mà phải ở trọ. Án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 07 tháng tù giam trong khi điều tra chưa đầy đủ, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Trần Thanh T1 không tham gia tranh luận, không bào chữa bổ sung.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Minh T phát biểu quan điểm:

Các bị cáo yêu cầu được thực nghiệm hiện trường, xin Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận vì có những lời khai mâu thuẫn nhau và không nhất quán. Bị cáo T, anh Thịnh đứng ở vị trí nào, bị cáo T1 từ đâu tới, hướng nào ... quá trình điều tra chưa làm rõ.

Bị cáo T yêu cầu xác định lại tỷ lệ thương tật do bị cáo bị chém ảnh hưởng đến xương sọ mà giám định chỉ 02% là chưa chính xác.

Về người làm chứng, đối với lời khai của ông T6, ông T6 khai T đánh T1 01 cái trong khi T1 bị đa chấn thương theo biên bản giám định pháp y. Người làm chứng Phạm Chí B1 chưa được xem xét.

Cơ quan điều tra trung cầu giám định đối với T1 nêu nội dung là T đánh T1 ở chỗ này trong khi T khai đánh T1 trúng chỗ kia.

Chúng tôi thấy rằng, việc xác định các yếu tố, đánh giá chứng cứ chưa đồng nhất từ giai đoạn điều tra đến xét xử sơ thẩm. Đề nghị hủy toàn bộ án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

Bị cáo Trần Minh T thống nhất với lời bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo. Bị cáo trình bày bổ sung cho rằng Lệnh bắt bị cáo ngày 24/5 ghi bị cáo dùng cây đánh trúng phần mặt T1, gây tổn thương cơ thể 51%. Kết luận điều tra cho rằng bị cáo dùng cây đánh trúng trán T1 gây tổn thương cơ thể 51%.

Sau khi bị cáo đánh T1, T1 lại bị anh T6 đánh bị thương tích, T1 có đưa hình trong điện thoại cho bị cáo xem.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 29/11, T1 khai cầm dao từ nhà sau ra chém bị cáo.

Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo, bị cáo bị oan.

Chị Huỳnh Thị T2 phát biểu quan điểm cho rằng cấp sơ thẩm xác định chị tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn dân sự là không đúng mà chị là bị hại mới đúng vì chị cũng bị T đánh. T đã dùng hung khí đánh cả vợ chồng chị nên đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của các cơ quan, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

Đối với người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm không có lý do. Xét thấy những người này đã có lời khai tại cơ quan điều tra đã rõ ràng và sự vắng mặt của những người này không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người này.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thanh T1 cho rằng bị cáo không phạm tội như án sơ thẩm đã tuyên, bị cáo thừa nhận là có dùng dao gây thương tích cho bị cáo Trần Minh T nhưng để tự vệ.

Bị cáo Trần Minh T, kháng cáo kêu oan cho rằng thương tích 51% của bị hại T1 không phải do một mình bị cáo gây ra mà trong quá trình chưa đi giám định bị hại T1 có xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau với anh T6. Bị cáo yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng làm rõ phần này đối với anh T6, hồ sơ vụ án chưa làm rõ phần này.

Các bị cáo T1, T không đồng tình với kết quả giám định nhưng cơ quan điều tra không cho giám định lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, cả hai bị cáo yêu cầu giám định lại thương tích.

Bị cáo T1 khai rằng bị T dùng cây đánh trước 01 cái vô lung, tay phải 02 cái, vai trái 01 cái, cánh tay trái 01 cái, trên đầu 01 cái, 01 cái vô mắt phải. Do bị chóiang nên bị cáo có dùng dao (quơ) 01 cái trúng vào vùng đầu T và T1 té xuống lộ thì bị T đánh thêm 01 cái nữa làm T1 ngất xỉu. Khi vợ T1 la lên, T1 tỉnh dậy chạy đi thì T mới lên xe đi. Còn bị cáo T khai: Do bảo lãnh việc T1 thiếu tiền nên có đến nhà T1 đòi thì vợ chồng T1 không chịu trả nên xảy ra cự cãi. T lên xe Thịnh chờ sẵn ngồi thì T1 dùng dao chém 01 cái trên đầu phía bên trái, T ngã xuống lộ đal nhặt được khúc cây vuông. Lúc này, T1 đi lại, cả hai đứng đối diện, T hai tay cầm cây đánh 01 cái từ trên xuống vào đầu T1 làm T1 té xuống lộ, vợ T1 là Huỳnh Thị T2 chạy ra cầm dao trên tay nên T dùng cây đánh vào tay chị T2 làm rớt dao xuống. Lúc này T1 tỉnh dậy bỏ chạy, T cầm cây đập vô cột điện làm cây gãy làm đôi và bỏ tại hiện trường. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo yêu cầu cho thực nghiệm.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn công khai tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 18 giờ ngày 13/3/2019, T điện thoại rủ T5 đi đến nhà T1 để đòi tiền, T5 đồng ý và mượn xe mô tô của bạn, điều khiển chở T đến nhà T1. Lúc này, T5 ngồi ngoài xe trước cửa nhà T1 đợi, còn T đi vào nhà T1 kêu T1 ra nói chuyện, T1 không đồng ý trả tiền nên T1 và T xảy ra cự cãi. Trong lúc T và T1 đang cự cãi thì vợ của T1 là Huỳnh Thị T2 từ nhà đi ra đóng cửa nhà lại, T đập cửa trúng chị T2 làm chị T2 té ngã nhưng không bị thương. Sau đó, T lên xe mô tô ngồi sau T5 định đi về thì T1 vào trong nhà lấy một con dao yếm bằng kim loại, mũi bầu, cán dài khoảng 10cm, lưỡi dài khoảng 25cm từ cửa sau nhà đi lên lộ đal, đứng phía sau chém trúng vào vùng đầu T. T2 quay lại thấy đầu T chảy máu. Sau đó, T bước xuống xe nhặt một khúc cây vuông chiều dài 80cm, cân nặng 610 gam, một đầu bằng, một đầu nhọn để ở đường đal đuổi theo T1 khoảng 20m, đến trước cửa nhà anh Nguyễn Văn T6 thì T1 dừng lại, đứng đối mặt với T thì bị T cầm cây bằng hai tay đánh 01 cái trúng vùng trán bên phải làm T1 té ngã xuống đường cạp lộ đal bất tỉnh. Chị T2

từ trong nhà đi đến chỗ T1 nằm nhặt con dao cầm trên tay phải, thì T dùng cây đánh trúng tay làm rớt con dao. Cùng thời điểm này, anh T6 chứng kiến sự việc từ trong nhà đi ra đường can ngăn. T đi đến cây cột điện gần đó dùng cây vuông đập vào cột điện làm cây gãy làm đôi, rồi lên xe T5 chở đến Trạm Y tế xã Hậu Mỹ B huyện C, tỉnh T khâu vết thương. Chị T2 đưa anh T1 đến Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp M cấp cứu sau đó chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy nhập viện điều trị từ ngày 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019 chuyển sang Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương đến ngày 28/3/2019 thì xuất viện, sau đó tiếp tục nhập viện Bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh điều trị từ ngày 24/6/2019 đến ngày 27/6/2019 thì xuất viện.

Như vậy, tại hiện trường lúc xảy ra vụ việc, chỉ có bị cáo T1 cầm con dao yếm bằng kim loại, mũi bầu, cán dài khoảng 10cm, lưỡi dài khoảng 25cm và bị cáo T cầm khúc cây vuông chiều dài 80cm, cân nặng 610 gam, một đầu bằng, một đầu nhọn, ngoài ra không còn ai cầm vật gì khác cũng không còn ai khác tham gia đánh nhau. Điều này phù hợp với lời khai của bị cáo T1 khai nhận có cầm dao chém bị cáo T, phù hợp với lời khai của bị cáo T thừa nhận có dùng cây đánh T1, phù hợp với lời khai của người làm chứng Đặng Quốc T5 trực tiếp chứng kiến thấy bị cáo T1 và bị cáo T đánh nhau, bị cáo T1 có cầm dao; bị cáo T cầm cây, anh T5 trực tiếp đưa bị cáo T đi khâu vết thương tại Trạm y tế xã Hậu Mỹ B, huyện C, tỉnh T; phù hợp với kết luận giám định số 154 ngày 16/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Trần Minh T thể hiện: Sẹo vết thương phần mềm đỉnh thái dương trái kích thước 05 x 0,2cm; Sẹo vết thương phần mềm số lượng sẹo ít, kích thước nhỏ, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%; phù hợp với bản kết luận giám định thương tích số 144 ngày 9/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp kết luận đối với Trần Thanh T1 thể hiện: Sẹo vết thương phần mềm má phải cạnh cánh mũi phải lành xấu ảnh hưởng đến thẩm mỹ; Sẹo vết thương phần mềm trán phải đến đuôi mày phải gây gãy xương trán phải thành ngoài hốc mắt; Đa chấn thương phần mềm không để lại di chứng không cho tỷ lệ phần trăm; Mắt phải bóng bàn tay mù tịt chưa khoét bỏ nhãn cầu. Tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 51% và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định bị cáo Trần Thanh T1 đã dùng con dao và bị cáo Trần Minh T đã khúc cây vuông đánh nhau gây thương tích cho hai bên. Bị cáo T bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 02%, vết thương do vật có cạnh sắc bén gây ra; còn bị cáo T1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 51%, vết thương do vật tày có cạnh gây ra là hậu quả từ việc đánh nhau giữa hai bị cáo. Việc các bị cáo yêu cầu cho thực nghiệm điều tra là không cần thiết.

Bị cáo T1 cho rằng hành vi gây thương tích cho bị cáo T của bị cáo là tự vệ nên bị cáo không phạm tội là không có căn cứ. Bởi lẽ, tại thời điểm này bị cáo chưa bị thương tích, bị cáo vẫn còn khả năng cũng như thời gian để bỏ chạy nhằm thoát khỏi hoặc chạy để truy hô mọi người giúp đỡ hay báo chính quyền địa phương giải quyết. Bị cáo không làm được như vậy mà cầm dao chém lại bị cáo T. Do đó, không có căn cứ nào để cho rằng bị cáo phòng vệ. Hành vi của bị cáo Trần Thanh T1 đã có đủ các yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Trần Minh T cũng đã có đủ các yếu tố cấu thành

tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của các bị cáo T1, T là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến sức khỏe của người khác một cách trái pháp luật. Các bị cáo là người đã trưởng thành, có thể chất, tinh thần phát triển bình thường, có khả năng điều khiển hành vi, giao tiếp xã hội, nhận thức được pháp luật, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự theo quy định. Các bị cáo đều nhận thức được con yếm bằng kim loại, mũi bầu, cán dài khoảng 10cm, lưỡi dài khoảng 25cm cũng như khúc cây vuông chiều dài 80cm, cân nặng 610 gam là hung khí nguy hiểm, nhận thức được hành vi dùng dao chém, dùng cây đánh vào cơ thể người khác là sẽ gây thương tích, là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện và hậu quả đã xảy ra làm cho bị cáo T bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 2%, bị cáo T1 bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là 51%, chứng tỏ việc phạm tội của các bị cáo là cố ý và thực hiện tội phạm đã hoàn thành.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thanh T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Minh T cũng về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 3 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan ức gì cho các bị cáo. Các bị cáo T1, T kháng cáo kêu oan nhưng với những chứng cứ và luận cứ nêu trên cùng lời khai của người làm chứng đã chứng minh hành vi của các bị cáo là có tội nên không chấp nhận kháng cáo kêu oan của các bị cáo.

Bị cáo T1 và luật sư bào chữa cho bị cáo T1 cũng như bị cáo T cho rằng kết luận giám định là chưa chính xác, yêu cầu được giám định lại. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra, các bị cáo đã biết về kết luận giám định tỷ lệ thương tích cơ thể của mình (nhưng các bị cáo không khiếu nại về Bản kết luận giám định). Trong giai đoạn xét xử, các bị cáo yêu cầu giám định lại nhưng các bị cáo không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh các Bản kết luận giám định số 154 ngày 16/5/2019 và bản kết luận giám định thương tích số 144 ngày 9/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp là không khách quan, không chính xác theo quy định tại Điều 211 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đồng thời, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, giám định viên đã giải thích và khẳng định các Bản kết luận giám định pháp y nêu trên là chính xác và đúng pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu giám định lại thương tích của các bị cáo cũng như không chấp nhận ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo T1 đồng thời xác định các Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 154 ngày 16/5/2019 và bản kết luận giám định thương tích số 144 ngày 9/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp đối với các bị cáo Trần Minh T, Trần Thanh T1 là hoàn toàn phù hợp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Ngoài ra, bị cáo T còn cho rằng thương tích 51% của bị hại T1 không phải do một mình bị cáo gây ra mà trong quá trình chưa đi giám định bị hại T1 có xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau với anh T6, bị cáo yêu cầu được làm rõ. Xét thấy, sau khi bị bị cáo T đánh, Trần Thanh T1 được đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực Tháp M cấp cứu sau đó chuyển đến Bệnh viện Chợ Rẫy nhập viện điều trị từ ngày 14/3/2019 đến ngày 22/3/2019 chuyển sang Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương đến ngày 28/3/2019 thì xuất viện, sau đó tiếp tục nhập viện Bệnh viện Mắt thành phố Hồ Chí Minh điều trị từ

ngày 24/6/2019 đến ngày 27/6/2019 thì xuất viện. Ngày 10/5/2019, giữa Trần Thanh T1 và Nguyễn Văn T6 có cự cãi, anh T6 cầm dao yểm chặt vào cửa nhà của T1 chứ không có đánh nhau gây thương tích và sự việc được Công an xã Đốc B, huyện Tháp M giải quyết xong. Việc giám định pháp y về thương tích của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Đồng Tháp đối với Trần Thanh T1 căn cứ vào hồ sơ bệnh án của Bệnh viện Chợ Rẫy, bản tóm tắt bệnh án của Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung ương, tình trạng vào viện của nạn nhân... cho nên yêu cầu nêu trên của bị cáo T là không có căn cứ.

Trong vụ án này, bị cáo T là người đến nhà T1 đòi tiền trong khi T1 không có thiếu tiền T mà thiếu tiền người tên P. Từ đó, cả hai cự cãi, bị cáo T có hành vi đập vào cửa nhà của T1 nhiều cái rồi đánh nhau. Như vậy, ngay từ ban đầu bị cáo T đã có những hành vi trái pháp luật dẫn đến gây thương tích lẫn nhau. Cấp sơ thẩm áp dụng điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân” đối với bị cáo T là chưa phù hợp. Tuy nhiên, xét theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo và ổn định bản án nên giữ nguyên các tình tiết giảm nhẹ mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo T.

Riêng đối với bị cáo T1, cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là còn thiếu sót. Bởi lẽ sự việc gây thương tích xuất phát từ việc T đến nhà T1 đòi tiền, dùng chân đập vào cửa nhà nhiều cái, dẫn đến bị cáo T1 bị kích động và dùng dao chém T. Mặt khác, thương tích bị cáo gây ra cho T tỷ lệ tổn thương cơ thể chỉ 02% và hiện tại sức khỏe của bị cáo T1 đã bị ảnh hưởng nhiều từ vết thương mà bị cáo T đã gây ra cho bị cáo. Theo kết quả đánh giá thang đo lường Hamilton của Bệnh viện tâm thần Đồng Tháp thể hiện bị cáo T1 có dấu hiệu trầm cảm, đau đầu nhiều, động kinh, khả năng nhận thức suy giảm... Do đó, xét thấy không cần phải cách ly bị cáo T1 ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 36 Bộ luật hình sự cho bị cáo cải tạo giáo dục ở địa phương cũng đủ để cho bị cáo rèn luyện, sửa chữa trở thành người tốt, có ý thức chấp hành pháp luật.

Riêng phần kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T1 yêu cầu buộc bị cáo Trần Minh T bồi thường các khoản với tổng số tiền là 233.279.000 đồng và chị Huỳnh Thị T2 kháng cáo yêu cầu buộc bị cáo Trần Minh T bồi thường cho chị tổng cộng các khoản là 54.308.000 đồng. Xét án sơ thẩm đã buộc bị cáo T bồi thường cho Trần Thanh T1 các khoản gồm chi phí điều trị là 25.859.000đ, tiền xe 3.800.000đ, tiền tổn thất tinh thần tương đương 40 tháng lương cơ sở bằng số tiền 59.600.000đ; tổng cộng các khoản: 97.809.000đ là hoàn toàn phù hợp. Đối với số tiền 120.000.000đ bảo hiểm đã chi trả cho T1. Đối với kháng cáo của chị Huỳnh Thị T2, án sơ thẩm buộc bị cáo T bồi thường tiền điều trị 1.147.000đ là phù hợp. Qua giám định thương tích chị không có tỷ lệ phần trăm, chị không cung cấp nơi điều trị, yêu cầu của Bác sĩ về sức khỏe của chị để nghỉ dưỡng và đã tính 19 ngày công của chị x 200.000đ người nuôi bệnh cho anh T1 nên việc chị yêu cầu bồi thường 30 ngày công với số tiền 7.500.000đ là không có cơ sở. Bị cáo T1 và chị T2 kháng cáo phần dân sự nhưng không cung cấp thêm được chứng cứ nào mới ngoài các căn cứ mà cấp sơ thẩm đã xem xét. Do đó, không chấp nhận phần kháng cáo này của bị cáo T1 cũng như yêu cầu kháng cáo của chị T2, giữ nguyên phần Quyết định của bản án sơ thẩm về phần dân sự.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, chị Huỳnh Thị T2 cho rằng cấp sơ thẩm xác định chị tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn dân sự là không đúng mà chị là bị hại mới đúng vì chị cũng bị T đánh. Xét thấy, việc chị bị bị cáo T đánh là có thật nhưng thương tích bị cáo T gây ra cho chị có tỷ lệ tổn thương cơ thể 0% là chưa đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích và bị cáo T không phải chịu trách nhiệm hình sự nên cấp sơ thẩm xác định chị tham gia tố tụng với tư cách nguyên đơn dân sự là có căn cứ.

[5] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét lời bào chữa của các vị luật sư bào chữa cho các bị cáo Trần Thanh T1 và Trần Minh T là chưa phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích ở phần trên nên không chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo Trần Minh T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Do sửa án sơ thẩm về hình phạt nên bị cáo Trần Thanh T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Chị Huỳnh Thị T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm đ khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Minh T. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Minh T.

Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Trần Thanh T1. Sửa phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Thanh T1.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thanh T1 và chị Huỳnh Thị T2 yêu cầu buộc bị cáo T bồi thường thêm về dân sự. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Minh T và bị cáo Trần Thanh T1 cùng phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 134; điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Minh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 24/5/2019.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 134; điểm e, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thanh T1 01 (một) năm 09 (chín) tháng cải tạo tại không

giám giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Đốc B, huyện Tháp M, tỉnh Đ nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đốc B, huyện Tháp M, tỉnh Đ giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đốc B, huyện Tháp M, tỉnh Đ trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Bị cáo Trần Thanh T1 phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự 2015;

Buộc bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho Trần Thanh T1 tổng cộng các khoản là 97.809.000 đồng.

Buộc bị cáo Trần Minh T phải bồi thường cho Huỳnh Thị Tạo 1.147.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Bị cáo Trần Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bị cáo Trần Thanh T1 và chị Huỳnh Thị Tạo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC-Vụ Giám đốc kiểm tra 1;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- Cơ quan THAHS Công an Tỉnh;
- Trại tạm giam Công an Tỉnh
- TAND huyện Tháp M (05 bản);
- VKSND huyện Tháp M;
- CCTHADS huyện Tháp M;
- CQCSĐT CAH Tháp M;
- CQTHAHS CAH Tháp M;
- Ủy ban nhân dân xã Đốc B, huyện Tháp M, tỉnh Đ (để phối hợp);
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA.TA Tỉnh;
- Lưu: VT, HSVA (Nhật Minh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Khắc Thịnh